| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2018
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Tài Định

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Võ Thành T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà 62, đường L, Tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T có mặt; bà C vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-7-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-7-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Thành T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q ngày 03-9-1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh được 03 người con chung. Tuy nhiên, cách đây khoảng trên 10 năm, ông không biết do nguyên nhân gì mà bà C chuyển đổi tính tình, bỏ nhà đi sống ở nơi khác, ông có tìm cách khuyên nhủ nhưng bà C không nghe, nhất quyết không về nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung

của vợ chồng không thể kéo dài được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Ông và bà C có 03 con chung là Võ Thị Hồng T1, sinh ngày 30-10-1998; Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 22-12-2000 và Võ Anh T3, sinh ngày 08-5-2003. Hiện nay các con đang sống với ông nên khi ly hôn ông yêu cầu Tòa án giao cháu Võ Thị Thanh T2 và cháu Võ Anh T3 cho ông trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Võ Thị Hồng T1 hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị C nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành T được ly hôn bà Nguyễn Thị C; Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 22-12-2000 và Võ Anh T3, sinh ngày 08-5-2003 cho ông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Nguyễn Thị C không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Thị Hồng T1, sinh ngày 30-10-1998 hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Võ Thành T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm ông Võ Thành T khởi kiện thì bà Nguyễn Thị C đang cư trú tại Tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị C tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thị C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q vào ngày 03-9-1997. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thị C là hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn ông Võ Thành T thì cách đây khoảng hơn 10 năm, bà Nguyễn Thị C bỏ nhà đi sống ở nơi khác, ông đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà C không nghe. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà C nhận nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập bà C đến Tòa án để làm việc, hòa giải đoàn tụ và đã triệu tập bà C tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên ông Võ Thành T đoàn tụ với bà C, nhưng ông T vẫn cương quyết xin ly hôn.

Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Võ Thành T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông Võ Thành T, bà Nguyễn Thị C xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà C đã bỏ nhà đi sống ở nơi khác từ nhiều năm nay. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, ông T không muốn tiếp tục kéo dài đời sống chung của vợ chồng nên đã làm đơn xin ly hôn. Bà C cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Võ Thành T. Việc ông T và bà C sống ly thân trong thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, ông Võ Thành T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Nguyễn Thị C là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn ông Võ Thành T trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thị C có 03 con chung là Võ Thị Hồng T1, sinh ngày 30-10-1998; Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 22-12-2000 và Võ Anh T3, sinh

ngày 08-5-2003. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu Tòa án giao cháu Võ Thị Thanh T2 và cháu Võ Anh T3 cho ông trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Riêng cháu Võ Thị Hồng T1, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu về nuôi con của ông Võ Thành T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi bà Nguyễn Thị C bỏ nhà đi đến nay, ông Võ Thành T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Cháu Võ Anh T3 trình bày có nguyện vọng được sống với ông T. Riêng cháu Võ Thị Thanh T2 theo ông T trình bày là đang học ở Đà Nẵng nhưng cháu T2 không đồng ý đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày nguyện vọng được sống với ai. Mặt khác, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị C cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu T2 và cháu T3, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T, giao cháu Võ Thị Thanh T2 và Võ Anh T3 cho ông T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với cháu Võ Thị Hồng T1, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Thành T không yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Võ Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị C không có ý kiến trình bày về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Ông Võ Thành T trình bày không có; bà Nguyễn Thị C không có ý kiến trình bày về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Võ Thành T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành T được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thị C có 03 con chung là Võ Thị Hồng T1, sinh ngày 30-10-1998; Võ Thị Thanh T2, sinh ngày 22-12-2000 và Võ Anh T3, sinh ngày 08-5-2003.

Giao cháu Võ Thị Thanh T2 và cháu Võ Anh T3 cho ông Võ Thành T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với cháu Võ Thị Hồng T1, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Thành T không yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Võ Thành T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003472 ngày 20-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Võ Thành T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị C không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường Chánh Lộ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**